

Số: *M* /2019/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày *08* tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cấp, các cơ quan chức năng
trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Hợp tác
xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Luật Đầu tư ngày 26/11/2014; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2006; Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 của Chính Phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị Định 78/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt hướng dẫn chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKH ngày 23/2/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 455/TTr-KHĐT ngày 18/10/2018 và Báo cáo thẩm định số 222/BC-STP ngày 10/10/2018 của Sở Tư Pháp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cấp, các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 08/9/2011 về ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin và các hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, các VP.

vmh.28.QĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cấp, các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành theo Quyết định số 11 / 2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là tỉnh) trong việc:

- Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã;
- Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã;
- Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).
4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Cơ quan chức năng là cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

7. Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập tại tỉnh theo hướng: Phân định trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã gây ra cho xã hội.

3. Tăng cường vai trò giám sát của xã hội, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã hoạt động bình thường.

CHƯƠNG II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã bao gồm: tên; mã số; địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ/vốn đầu tư/vốn đăng ký hộ kinh doanh; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận

đăng ký hộ kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật bao gồm: quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (phòng đăng ký kinh doanh) là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để yêu cầu doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư (phòng đăng ký kinh doanh) là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

a) tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

c) tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cung cấp và công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (được cập nhật thông tin từ hệ thống thông tin thuế), Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng đăng ký hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và cổng thông tin điện tử của sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng đăng ký hoạt động của doanh nghiệp; đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh quá 01 (một) năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, các cơ quan thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ đóng trên địa bàn, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc (theo khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 208 của Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014), định kỳ gửi phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh/cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện các thông tin sau đây:

a) Các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân, hộ kinh doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện, người quản lý đơn vị.

b) Quyết định xử lý vi phạm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân, hộ kinh doanh, HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, người quản lý đơn vị.

c) Quyết định tạm dừng hoạt động, quyết định chấm dứt việc tạm dừng hoạt động kinh doanh.

d) Thông tin về vi phạm pháp luật thuế của doanh nghiệp.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin trên, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp huyện cập nhật vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có liên quan và xem xét xử lý theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cục thuế và các cơ quan đầu mối hoặc liên quan khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

- Thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Tăng cường trao đổi thông tin doanh nghiệp và chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

2. Quy trình trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp do cơ quan thuế tiếp nhận, lưu trữ tại hệ thống thông tin báo cáo tài chính của cơ quan thuế và được chuyển sang hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Giảm đầu mối nhận báo cáo tài chính định kỳ tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế kiểm soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn cấp huyện cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý theo quy định gửi cơ quan đăng ký kinh doanh tỉnh tổng hợp.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm, thời gian chấm dứt công khai thông tin đến khi doanh nghiệp khắc phục hành vi vi phạm. Thông tin công khai gồm: tên doanh nghiệp, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của luật quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp, xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị quản lý.

Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp được thực hiện trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng thông tin điện tử của các đơn vị, sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

CHƯƠNG III

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ CÓ HÀNH VI VI PHẠM

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã và xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và sử dụng lao động thường xuyên.

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã; thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tạm dừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về số lao động thường xuyên sử dụng gồm: phối hợp xác định hành vi thường xuyên sử dụng từ 10 (mười) lao động trở lên, phối hợp xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp trên phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

Thanh tra các sở, ban, ngành của tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý.

2. Thanh tra cấp huyện thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc địa bàn trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các phòng, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh, hợp tác xã đã được cấp trên (ngành dọc) phê duyệt để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của mình; Các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã dự kiến thanh tra, kiểm tra.

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho thanh tra tỉnh tổng hợp.

Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các sở, ban, ngành của tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho thanh tra tỉnh Ninh Bình kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

4. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng với một hoặc một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đề nghị các cơ quan, đơn vị trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp Do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng và đơn vị phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá 01 (một) lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của Đoàn thanh tra liên ngành, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; tổng hợp chung kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thanh tra cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn quản lý; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh, hợp tác xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và thanh tra tỉnh.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của luật doanh nghiệp, luật hợp tác xã và văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, Nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra. kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã ngừng hoạt động kinh doanh một năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Hợp tác xã tại địa bàn quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã là giả mạo, trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, xử lý các vi phạm của cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện đúng quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại khoản 2 điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng và cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành để xử lý.

Cơ quan thuế (bao gồm Cục Thuế tỉnh và Chi Cục Thuế cấp huyện) cùng phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện nội dung trên.

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã

1. Các sở ban ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn được phân công, tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại khoản 2 điều 17 Quy chế này của năm liền trước. Thời gian gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 1 hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh nào đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 điều 17 Quy chế này.

4. Trước ngày 25 tháng 2 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp thanh tra tỉnh dự thảo văn bản trình ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch Đầu tư tình hình Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định này được xem xét tuyên dương, khen thưởng theo quy định hiện hành;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế phối hợp thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh thực hiện việc vận động hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tự giác chấp hành quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã; hàng năm tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương sang cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Phối hợp với các sở ban ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn pháp luật cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn.

c) Tổ chức thực hiện theo chức năng, Nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong quy chế này.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, cục thuế thành phố hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, đảm bảo thông tin đầy đủ, được cập nhật thường xuyên, liên tục.

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của luật doanh nghiệp, luật hợp tác xã và pháp luật chuyên ngành.

b) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tổ chức thực hiện việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh; xử lý các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã vi phạm quy định của pháp luật. Thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro về theo dõi và giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo nghiệp vụ của Sở, ngành và đơn vị mình.

d) Tổ chức thực hiện theo chức năng, Nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin về hộ kinh doanh, hợp tác xã hoạt động trên địa bàn; hàng năm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã do Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp và tham gia quản lý, theo dõi hoạt động trên địa bàn;

c) Phối hợp Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro để theo dõi và giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ của ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã chấp hành quy định của pháp luật. Trường hợp hộ kinh doanh có sử dụng từ 10 lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện để hộ kinh doanh đăng ký chuyển sang các loại hình doanh nghiệp;

e) Tổ chức thực hiện theo chức năng, Nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong quy chế này.

5. Các sở ban ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./. *BN*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch
Nguyễn Ngọc Thạch